

Bản án số: 08/2023/HS-ST  
Ngày 23 - 3 - 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Giang Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung K và ông Long Trọng Nhiên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Hà Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Hoàng Văn D** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 11/7/1972 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn V sinh năm 1952 và con bà Long Thị N sinh năm 1950 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ: Cổ Thị T sinh năm 1973 hiện trú tại Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt.

**2. Hoàng Thị T** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/11/1965 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T (đã chết) và con bà Long Thị U sinh năm 1939 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chồng Hoàng Văn C (đã chết), bị cáo có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án: 01. Bản án số 04/2022/HSPT ngày 28/02/2022 của TAND tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 20.000.000đ về tội "Đánh bạc". Nhân thân: Xấu.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt.

**3. Trang Sỹ K** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 09/02/1982 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1 thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trang Văn N sinh năm 1960 và con bà Nông Thị H sinh năm 1962 hiện trú tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ: Hoàng Thị T sinh năm 1982 hiện trú tại tổ dân phố 1 thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 01 con sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Tổ dân phố 1 thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**4. Nguyễn Hữu D** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/11/1978 tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Tổ dân phố P3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T sinh năm 1950 và con bà Đặng Thị T sinh năm 1952 hiện trú tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ: Đào Thị D (đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Tổ dân phố P 3, thị trấn P huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**5. Hoàng Văn Q** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 15/6/1986 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Thế sinh năm 1962 và con bà Lô Thị Tiến sinh năm 1966 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vợ: Hoàng Thị Ván sinh năm 1989 hiện trú tại Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**6. Hoàng Thị V** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 27/7/1990 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Q (đã chết) và con bà Hoàng Thị N sinh năm 1970 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chồng: Hoàng Văn S sinh

năm 1989 hiện trú tại Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**7. Hoàng Thị H** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 12/8/1996 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn D sinh năm 1975 và con bà Đặng Thị V sinh năm 1976 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chồng: Hoàng Văn K sinh năm 1993 hiện trú tại Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**8. Hoàng Thị T1** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 30/5/1999 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn S sinh năm 1977 và con bà Hoàng Thị C sinh năm 1976 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chồng: **Nông Văn B** sinh năm 1993 hiện trú tại Bản Mùng, xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 01 con sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Bản M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**9. Hoàng Thị C** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/10/1952 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Quý Đ (đã chết) và con bà Hoàng Thị V (đã chết). Chồng: Nguyễn Văn T (đã ly hôn). Bị cáo có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1971, con nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/12/2022, hiện tại ngoại tại: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**10. Hoàng Thị C1** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/5/1954 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/10; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Quý Đ (đã chết) và con bà Hoàng Thị V (đã chết). Chồng: Hoàng Văn N (đã chết). Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1973, con nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Bản T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**11. Hoàng Thị S** (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 01/01/1976 tại huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T (đã chết) và con bà Hoàng Thị Đ sinh năm 1938 hiện trú tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chồng: không có. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: chưa bị cơ quan nào xử lý hành chính và chưa bị Tòa án nào kết án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2022, tạm giam từ ngày 03/12/2022. Ngày 13/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại tại: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*Người làm chứng:* Hoàng Thị V; Địa chỉ: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 23/11/2022 bị cáo Hoàng Thị C1 và Hoàng Thị C ngồi uống nước ở quán bán hàng nhà bà Hoàng Thị V (bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai) thì gặp Hoàng Văn D đến uống nước. Ngồi được khoảng 10 phút, D nói với bị cáo C và C1 "Làm tí cho đỡ nhien", các bị cáo hiểu ý của D là rủ đánh bạc nên đã đồng ý. D vào trong nhà hỏi vay bà Vắc 900.000đ, sau đó đi lấy dao và cây nứa ở vách tường cạnh sạp bán quán nhà bà V để làm 4 quân vị, lấy bút dạ ở sạp hàng tô đen mỗi mặt của quân vị. Tiếp đó D lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ trên quầy hàng để làm dụng cụ đánh bạc. Chuẩn bị xong dụng cụ, D ngồi trên sạp xóc đĩa còn bị cáo C và C1 ngồi bên cạnh đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền.

Khi các bị cáo đánh bạc được một lúc thì có thêm các bị cáo Hoàng Thị H, Hoàng Thị V, Nguyễn Hữu D, Hoàng Văn Q, Trang Sỹ K, Hoàng Thị T, Hoàng Thị T1 đến tham gia đánh bạc cùng, ngoài ra có Hoàng Thị S cũng đến nhưng đứng xem. Sau khi xóc đĩa được một lúc bị cáo D không cầm cái nứa, thấy vậy Q nói "Mọi người vào trong phòng chơi cho kín đáo" đồng thời cầm bát, đĩa và quân vị đi vào trong nhà của Hoàng Văn L (bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai) để tiếp tục đánh bạc.

Trên đường đi vào, K nói với Q và D "Có tiền không để cùng làm", ý là góp tiền chung để đánh bạc, nhưng Q và D đều không có tiền. Kiến nói "Em bỏ ra trước tí về tính sau", Q và D đồng ý. Khi vào nhà, K đưa cho Q 3.400.000đ, Q cầm cái xóc cho mọi người cùng chơi, lúc này có thêm Hoàng Thị S cũng vào chơi. Chơi được một lúc do bị lỗ tiền nên Q chuyển cho K cầm cái xóc, D làm vị và hộ trang tiền. Các bị cáo chơi đánh bạc đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị công an bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.510.000đ và các vật chứng: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quần vị bằng tre, 04 quân bài tú lơ khơ, 02 chiếu nhựa.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSBY ngày 12/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Hoàng Văn D, Trang Sỹ K, Nguyễn Hữu D, Hoàng Văn Q, Hoàng Thị V, Hoàng Thị H, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị T, Hoàng Thị C, Hoàng Thị C1, Hoàng Thị S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không đề nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc". Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 58; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trang Sỹ K, Hoàng Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên phạt Nguyễn Hữu D, Hoàng Thị V, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao các bị cáo cho UBND các xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 58; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hoàng Thị C áp dụng thêm điểm o khoản 1 điều 51 BLHS, tuyên phạt bị cáo Hoàng Thị C, Hoàng Thị C1, Hoàng Thị S từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo cho UBND xã Xuân Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự phạt các bị cáo Hoàng Văn D, Trang Sỹ K, Nguyễn Hữu D, Hoàng Văn Q mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu sung quỹ số tiền 5.510.000đ thu tại chiếu bạc. Tịch thu tiêu hủy 04 quần vị bằng tre một mặt màu đen, 01 bát sứ màu trắng có họa tiết hoa văn, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài tú lơ khơ và 02 chiếc chiếu nhựa các đối tượng dùng để đánh bạc.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Hoàng Văn D, Trang Sỹ K, Nguyễn Hữu D, Hoàng Văn Q, Hoàng Thị V, Hoàng Thị H, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị T, Hoàng Thị C, Hoàng Thị C1, Hoàng Thị S đều khai nhận tội ngày 23/11/2022 các bị cáo đã cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, khi bị bắt quả tang số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 5.510.000đ. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật, tuy nhiên do không chịu tu dưỡng rèn luyện, lười lao động và háms tiền nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo D là người khởi xướng việc đánh bạc, trực tiếp cầm cái xóc đĩa nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Q, K, D bàn bạc góp tiền chung nhau tham gia đánh bạc, đồng thời thay nhau cầm cái, làm vị, canh cửa và chia tiền nên phải chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai. Các bị cáo Vui, H, Trục, Thận, C, C1, Suất trực tiếp tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng để đánh bạc như sau: Hoàng Văn D sử dụng 900.000đ (vay của bà Vắc đã trả lại), bị cáo Hoàng Văn Q sử dụng 500.000đ (vay của Vui), Trang Sỹ K sử dụng 3.400.000đ (trong đó cho H vay 200.000đ chưa trả), Nguyễn Hữu D sử dụng 50.000đ, Hoàng Thị V sử dụng 1.000.000đ (cho Q vay 500.000đ đã trả lại), Hoàng Thị H sử dụng 250.000đ và vay thêm K 200.000đ, Hoàng Thị T1 sử dụng 350.000đ, Hoàng Thị T sử dụng 200.000đ, Hoàng Thị C sử dụng 100.000đ, Hoàng Thị C1 sử dụng 50.000đ, Hoàng Thị S sử dụng 20.000đ tham gia đánh bạc. Tổng số tiền theo các bị cáo khai đã sử dụng để đánh bạc là: 5.420.000đ, số tiền thu trên chiếu bạc là 5.510.000đ, chênh lệch 90.000đ không xác định được của ai nhưng các bị cáo đều thừa nhận dùng để đánh bạc nên vẫn phải chịu trách nhiệm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo D, Q, K, D, V, H, T1, T, C, C1, S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm i

khoản 1 Điều 51 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo D, K, Thận có bố đẻ là người có công với Nhà nước, bị cáo Q được UBND huyện B tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác bắt đối tượng truy nã nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo C phạm tội khi đã trên 70 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì: Đối với bị cáo D là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phương tiện, thực hành tích cực, bị cáo Thận có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội đánh bạc nhưng vẫn tái phạm nên cần thiết phạt tù giam. Đối với bị cáo C là người cao tuổi, bị cáo C1 sử dụng 50.000đ, bị cáo Suất sử dụng 20.000đ để đánh bạc, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng nên phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe các bị cáo. Do các bị cáo không có tài sản gì nên không khấu trừ thu nhập. Đối với các bị cáo còn lại xét thấy các bị cáo cũng có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ khả năng cải tạo giáo dục các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phải phạt các bị cáo D, K, Q, D một số tiền để sung quỹ nhà nước.

[6]. Các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Theo lời khai của các bị cáo, khi mới đánh bạc các bị cáo ngồi tại sạp hàng của bà Hoàng Thị V (sinh năm 1961, địa chỉ: Bản H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Sau khi bị cáo D không cầm cái, bị cáo Q rủ các bị cáo khác vào trong nhà của anh Hoàng Văn L (sinh năm 1988, trú cùng bản) tiếp tục đánh bạc. Quá trình điều tra xác định bà Vắc và anh Lý không biết việc các bị cáo sử dụng nơi ở của mình làm địa điểm đánh bạc nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[7]. Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ

Thu trên chiếu bạc số tiền 5.510.000đ, đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Thu giữ của bị cáo Hoàng Văn D 01 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy M20, 01 xe mô tô biển kiểm soát 24Y-1785; Thu của Nguyễn Hữu D 01 điện thoại di động SAMSUNG, 01 xe mô tô Honda Wave Alpha không biển kiểm soát; Thu của Trang Sỹ K 01 điện thoại di động SAMSUNG, 01 xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 24K5-4222; Thu của Hoàng Thị C1 số tiền 50.000đ. Các tài sản trên các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên đã trả lại cho các bị cáo là đúng quy định.

Ngoài ra còn thu giữ 04 quân vị bằng tre một mặt màu đen, 01 bát sứ trắng, 01 đĩa sứ trắng, 04 quân bài tú lơ khơ, 02 chiếu nhựa, đây là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội. Tại phiên tòa các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Căn cứ khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự**

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn D, Trang Sỹ K, Nguyễn Hữu D, Hoàng Văn Q, Hoàng Thị V, Hoàng Thị H, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị T, Hoàng Thị C, Hoàng Thị C1, Hoàng Thị S phạm tội “Đánh bạc”

**2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự.** Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2022. Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2022.

**3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự.**

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Trang Sỹ K 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Hữu D 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Hoàng Thị V 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án

Xử phạt Hoàng Thị T1 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án

Xử phạt Hoàng Thị H 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Hoàng Văn Q, Hoàng Thị V, Hoàng Thị H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã Tân D, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trang Sỹ K cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Ràng, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu D Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung Hoàng Văn Q, Trang Sỹ K, Nguyễn Hữu D mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.**

**4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 36, 58 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hoàng Thị C áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.**

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị C 07 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị C1 07 tháng cải tạo không giam giữ. Khẩu trừ cho bị cáo 51 ngày tạm giữ, tạm giam. Bị cáo còn phải chấp hành 01 tháng 27 ngày.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị S 07 tháng cải tạo không giam giữ. Khẩu trừ cho bị cáo 51 ngày tạm giam, tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 tháng 27 ngày.

Không khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Giao các bị cáo Hoàng Thị C1, Hoàng Thị C, Hoàng Thị S cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã X trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

**5. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.**

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.510.000đ hiện đang gửi trong tài khoản số 394901052777 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B tại Kho bạc Nhà nước huyện B.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 04 quân vị bằng tre một mặt màu đen, 01 bát sứ trắng, 01 đĩa sứ trắng, 04 quân bài tứ lơ khơ được niêm phong trong hộp giấy dán kín, mặt trên có ghi dòng chữ "Tang vật các đối tượng dùng đánh bạc ngày 23/11/2022 tại bản H, xã X"; 02 chiếc nhựa.

**6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

Buộc các bị cáo Hoàng Văn D, Trang Sỹ K, Nguyễn Hữu D, Hoàng Văn Q, Hoàng Thị V, Hoàng Thị H, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị T, Hoàng Thị C, Hoàng Thị C1, Hoàng Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh LC;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo (11);
- UBND xã X;
- UBND xã Tân D;
- UBND TT Phố Ràng;
- UBND TT Phố Lu;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Giang Thanh**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Giang Thanh**



